

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/ HNGĐ- ST

Ngày 06/5/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thuỳ D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 6, đường N, phường N, quận Hai Bà T, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh V, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 73, đường H, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Anh Ph, sinh năm 1952.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959.

Chị D vắng mặt (đơn đề nghị xét xử vắng mặt); anh V vắng mặt không có lý do; ông P, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Lê Thuỳ D trình bày:

Chị và anh V kết hôn ngày 12/01/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận H, thành phố H. Anh chị có thời gian yêu thương, tìm hiểu nhau

và tự nguyện đăng ký kết hôn. Hôn lễ của anh chị được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà chị cùng với bố mẹ đẻ chị tại số 03, ngách 62, ngõ L, phố K, phường T quận Đ, thành phố H. Đến năm 2022, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, anh V mãi chơi không chịu tu trí làm ăn dẫn đến nợ nần, chị có khuyên bảo thì vợ chồng xảy ra cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung. Gia đình hai bên cũng hòa giải anh chị nhưng không thành. Anh V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường S, thành phố C, tỉnh H sinh sống và không quay lại chung sống cùng chị D, hai vợ chồng ly thân từ đó. Anh V thì thoảng có gọi điện hỏi thăm các con nhưng thưa dần và cũng không quan tâm, liên lạc với chị nữa. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, không còn muốn quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng hết sức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị D và anh V có 02 con chung là Nguyễn Anh Bảo C, sinh ngày 13/10/2015 và Nguyễn Anh Nhật M, sinh ngày 10/8/2021, hiện cả hai con chung đang ở cùng chị D. Khi ly hôn, chị D đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, nợ: Chị D xác định chị và anh V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Anh V, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Anh V đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh Nguyễn Anh V trước yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thùy D. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có gửi công văn đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Hải Dương yêu cầu cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Anh V thì được trả lời tại công văn số 1171/QLXNC ngày 21/4/2025: Theo Phòng quản lý xuất nhập cảnh quản lý: trường hợp Nguyễn Anh V, không có thông tin xuất nhập cảnh.

Bà Tr - mẹ đẻ chị D trình bày và xác nhận: Chị D và anh V kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Hai B, thành phố H. Sau ngày cưới anh chị ở cùng với gia đình nhà bà. Anh chị ở với nhau được một thời gian đến năm 2022 thì có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên đã sống ly thân. Anh V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường S, thành phố C, tỉnh H sinh sống. Nay chị Dg xin ly hôn anh V bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Về con chung: Chị D và anh V có 02 con chung là Nguyễn Anh Bảo C, sinh ngày 13/10/2015 và Nguyễn Anh Nhật M,

sinh ngày 10/8/2021, hiện cả hai con chung đang ở cùng bà và chị D. Khi ly hôn, chị D đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị, gia đình bà có đủ điều kiện, thời gian và nhà cửa rộng rãi để chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cùng với chị D. Về tài sản chung: bà không nắm được.

Ông P- bố đẻ anh V trình bày và xác nhận: Chị D và anh V kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ng, quận H, thành phố H. Sau ngày cưới anh chị ở với nhau đến năm 2022 thì có mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình, nợ nần nên có xảy ra cãi nhau và đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị thì ông không nắm được. Hai anh chị ly thân, anh V về nhà ông sinh sống từ đó đến nay không quan tâm hay liên lạc với nhau. Nay chị D xin ly hôn anh V, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Về con chung: Chị D và anh V có 02 con chung là Nguyễn Anh Bảo C, sinh ngày 13/10/2015 và Nguyễn Anh Nhật M, sinh ngày 10/8/2021, hiện cả ba mẹ con chị D đều đang ở cùng mẹ đẻ chị D. Khi ly hôn, chị D đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai anh chị. Về tài sản chung: Ông không nắm được.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư T, phường S xác định: Quá trình mâu thuẫn giữa chị D và anh V địa phương không nắm được. Chỉ xác định được anh chị cưới nhau và về chung sống với nhau ở H đến năm 2022 thì ly thân, anh V về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư T sinh sống. Về con chung: Chị D và anh V có 02 con chung là Nguyễn Anh Bảo C, sinh ngày 13/10/2015 và Nguyễn Anh Nhật M, sinh ngày 10/8/2021, hiện cả hai con chung đang ở cùng chị D. Khi ly hôn, chị D đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị, đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai anh chị. Về tài sản chung: Địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa:

Chị D và anh V đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thuỳ D. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thuỳ D được ly hôn với anh Nguyễn Anh V. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Anh Bảo C, sinh ngày 13/10/2015 và Nguyễn Anh Nhật M, sinh ngày 10/8/2021 cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác, chị D tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thuỳ D khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Anh V; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Số 73, đường H, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Anh V là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị D và anh V đều vắng mặt, chị D có đơn xin xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D và anh V.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thuỳ D và anh Nguyễn Anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu cuộc sống anh chị bình thường. Sinh sống được một khoảng thời gian thì anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về việc làm ăn kinh tế và nợ nần. Tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Anh V về nhà bố mẹ để sinh sống. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế và đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị D được ly hôn anh V là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Anh Bảo C, sinh ngày 13/10/2015 và Nguyễn Anh Nhật M, sinh ngày 10/8/2021 đang do chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị D, anh V thấy rằng: Trong quá trình

giải quyết vụ án Tòa án có nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập nhưng anh V không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm. Chị D làm nhân viên văn phòng Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ Trip Trip Technology Investment Joint Stock Company; Địa chỉ: B4-01 Khu Chức Năng đô thị thành phố Xanh, phường C, quận N, thành phố H, thu nhập trung bình hàng tháng là 25.000.000 đồng. Chị D có việc làm ổn định, có thu nhập, có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Trong khi đó chị D được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng con chung. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của chị là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Do cháu Bảo C và Nhật M ở với chị D từ trước và hiện đang ở cùng chị D, vẫn được chị D chăm sóc tốt nên giao cháu Bảo C và Nhật M cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5 năm 2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị D tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Do vậy anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị D là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Nguyễn Anh Bảo C, sinh ngày 13/10/2015 và Nguyễn Anh Nhật M, sinh ngày 10/8/2021 cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

[2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị D tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

[2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thuý D.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thuý D ly hôn anh Nguyễn Anh V.

- Về con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Anh Bảo C, sinh ngày 13/10/2015 và Nguyễn Anh Nhật M, sinh ngày 10/8/2021 cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác, chị D tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thuỳ D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ với số tiền 300.000 đồng Chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 số: 0004406 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (ĐK số: 05 ngày 12/01/2015);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành Vũ Thị Linh

Nguyễn Thị Vân Anh